TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-10-2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Nghĩa và bà Nguyễn Thị Thu Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 309/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/7/2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/9/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 97/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Ngọc T, sinh năm 1987; Địa chỉ: 87 Lê Trung Kiên, phường 2, Tp T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Hồng Th, sinh năm 1985; Địa chỉ: 87 Lê Trung Kiên, phường 2, Tp T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc T trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Th tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường ..., thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01 03/01/2014. Quá trình chung sống, cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian, đến cuối năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, kinh tế không ổn định, anh Th không chăm lo cho vợ con, sống gia trưởng dẫn đến vợ chồng kình cãi nhau. Ngoài ra, anh Th còn đánh chị T nhập viện nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hai bên hòa giải nhưng anh Th vẫn không thay đổi. Năm 2019 chị T và anh Th sống ly thân, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chị T xin được ly hôn với anh Th.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên là Đặng Trương Mỹ H1, sinh ngày 26/4/2015; Đặng Trương An P, sinh

ngày 12/6/2017; Đặng Trương Mỹ Tr, sinh ngày 07/7/2019. Hiện nay 03 cháu đang sống với chị T. Ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng x 03 cháu = 3.000.000đ/tháng/03 cháu, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 08/2022 và chấm dứt khi phát sinh một trong các điều kiện được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đặng Hồng Th vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh Th; Về con chung: Giao 03 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Th phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng x 03 cháu = 3.000.000 đồng. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Đặng Hồng Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Th tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01 03/01/2014 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị T trình bày: nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, kinh tế không ổn định, anh Th không chăm lo cho vợ con, sống gia trưởng dẫn đến vợ chồng kình cãi nhau, anh Th còn đánh chị T nhập viện nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ cho anh Th để lấy lời khai và hòa giải nhưng anh Th không đến Tòa cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Th vẫn không có mặt. Như vậy cho thấy anh Th không có thiện chí hòa giải khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh Th đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Th.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh Th có 03 con chung tên là Đặng Trương Mỹ H1, sinh ngày 26/4/2015; Đặng Trương An P, sinh ngày 12/6/2017; Đặng Trương Mỹ Tr, sinh ngày 07/7/2019. Hội đồng xét xử thấy rằng: hiện nay 03 cháu đang sống với chị T vẫn đảm bảo cuộc sống về thể chất và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của các con. Ngoài ra cháu H1 cũng có nguyện vọng xin được sống với chị T. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống của các con nên cần tiếp tục giao 03 con chung cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét thấy mức cấp dưỡng nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật và mức sống thực tế tại địa phương nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; Bị đơn anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Ngọc T được ly hôn với anh Đặng Hồng Th.

2. Về con chung: Giao 03 *(ba)* con chung tên là Đặng Trương Mỹ H1, sinh ngày 26/4/2015; Đặng Trương An P, sinh ngày 12/6/2017; Đặng Trương Mỹ Tr, sinh ngày 07/7/2019 cho chị Trương Thị Ngọc T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục;

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đặng Hồng Th phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 *(một triệu)* đồng/tháng x 03 *(ba)* cháu = 3.000.000 *(ba triệu)* đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 08/2022 và chấm dứt khi phát sinh một trong các điều kiện được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* mà chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005471 ngày 22/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Anh Đặng Hồng Th phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.T;
- Chi cục THADS Tp T;
- UBND phường 2, Tp T;
(Số 01/2014, ngày 03/01/2014)
- Lưu hồ sơ, án văn.